

TỔNG HỢP 05 BẢN ÁN KHỞI KIẾN QUYẾT ĐỊNH HÀNH CHÍNH, HÀNH VI HÀNH CHÍNH VỀ QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

STT	Số hiệu bản án	Ngày ban hành	Tòa án	TÊN VÀ NỘI DUNG BẢN ÁN	File Bản án đính kèm
1.	784/2023/HC-PT	30/10/2023	TAND cấp cao tại Hà Nội	<p>Bản án số 784/2023/HC-PT ngày 30/10/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội về Yêu cầu hủy văn bản trả lời đơn</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư... - Cấp xét xử: Phúc thẩm - Loại án: Hành chính - Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại Hà Nội - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ án: Yêu cầu hủy văn bản trả lời đơn <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Tại Văn bản số 3137/UBND-TNMT ngày 12/11/2021 của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố B1 xác định nguồn gốc đất của gia đình bà Nguyễn Thị H1 căn cứ vào Báo cáo số 74 ngày 20/10/2021 của UBND phường Đ2 trích đo bản đồ địa chính khu vực xin giao đất ở cho nhân dân thuộc xóm 1 xã Đ2 được Sở Địa chính tỉnh Bắc Ninh duyệt ngày 26/4/2001 và căn cứ hiện trạng sử dụng đất do UBND phường Đ2 cung cấp thì thửa đất của gia đình bà Nguyễn Thị H1 nằm trong ranh giới thu hồi của dự án DCDV X. Dự án công trình nhà ở của gia đình bà là trái phép nên không được bồi thường, hỗ trợ.</p> <p>Bà cho rằng việc UBND thành phố B1 kết luận như trên là không có căn cứ. Do đó, bà đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh giải quyết, tuyên: Hủy Văn bản số 3137/UBND-TNMT ngày 12/11/2021 của UBND thành phố</p>	<p>https://drive.google.com/file/d/11ikJo31GT2wBef1qz0vTKlZsWTFZIX7Q/view?usp=sharing</p>

				<p>B1 về việc giải quyết đơn của công dân (Gọi tắt là Văn bản 3137) đề gia đình bà được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất và các văn bản quyết định có liên quan.</p> <p>Tòa Sơ thẩm tuyên:</p> <p>Bác yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy Văn bản số 3137/UBNDTNMT ngày 12/11/2021 của UBND thành phố B1 về việc giải quyết đơn khiếu nại đối với bà Nguyễn Thị H1</p> <p>Tòa Phúc thẩm tuyên</p> <p>Bác Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị H1, giữ nguyên các quyết định tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2023/HC-ST ngày 16 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.</p> <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Tổ tụng hành chính 2015: Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 2. Luật Tổ chức chính quyền địa phương 3. Luật Khiếu nại năm 2011: Điều 18, 27, 28, 29 4. Nghị định 22/1998/NĐ-CP ngày 22/4/1998 của Chính phủ 5. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án 	
2.	983/2023/HC-PT	17/11/2023	TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh	<p>Bản án số 983/2023/HC-PT ngày 17/11/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh V/v Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư... 	<p>https://drive.google.com/file/d/1q-PboToGrliWMqecBdKp3UNNXcdgkDQd/view?usp=sharing</p>

- Cấp xét xử: Phúc thẩm
- Loại án: Hành chính
- Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh
- Áp dụng án lệ: Không
- Thông tin về vụ án: bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Tóm tắt nội dung vụ án:

Ông Nguyễn Văn S có một mảnh đất diện tích đất 25.856m² có nguồn gốc từ năm 1989 do ông Tống Văn C (chú vợ của ông S) sử dụng trồng Đào. Đến năm 1996 ông C cho lại ông S, đất tọa lạc tại ấp C, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang. Năm 2005, 2006 có chủ trương kê khai đo đạc đất, ông đã đăng ký và được đo đạc theo sơ đồ 15 với diện tích 28.117m², thuộc thửa số 222, tờ bản đồ 12.

Khi ông C ủy quyền cho đất cho ông thì trên đất có 103 cây Đào, khi nhận đất ông tiếp tục quản lý sử dụng và trồng thêm Đào, T2 bông vàng. Phần đất này nằm trong dự án Khu D nhưng không ban hành quyết định thu hồi đất, bồi thường thường theo quy định nên ông làm đơn yêu cầu chính quyền huyện P thu hồi đất và lập phương án bồi thường cho ông theo quy định.

Ngày 25/9/2015, đoàn công tác liên ngành của huyện P có đến thửa đất của ông để đo vẽ, kiểm kê diện tích đất và cây trồng trên đất.

Ngày 20/01/2017, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định thu hồi đất số 1019/QĐ-UBND thu hồi 25.856m² của ông để thực hiện dự án. Tuy nhiên, ông chờ mãi mà không thấy UBND huyện P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi. Từ đó, ông đã gửi đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện P nhiều lần để yêu cầu Ủy ban bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi theo quy định pháp luật.

Đến năm 2021 ông mới biết được ngày 20/02/2017 UBND huyện P ban hành Quyết định số 1963/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông với số tiền 0 đồng. Ông biết được là do cán bộ ban bồi thường cho ông biết nên đã gửi đơn khiếu nại quyết định số 1963 của UBND huyện P, đến ngày 09/4/2021 Ủy ban nhân dân thành phố P có văn bản số 1320/VP-NCPC về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn S, với nội dung: Chủ tịch UBND thành phố P giao cho Phòng T7 khẩn trương kiểm tra, tham mưu cho UBND thành phố P giải quyết theo quy định. Tuy nhiên, ông có lên liên hệ thì cán bộ một cửa UBND thành phố P và cán bộ Phòng Tài nguyên và Môi trường kêu ông đợi vì có rất nhiều đơn khiếu nại chưa làm kịp. Ông chờ đợi mãi mà không thấy giải quyết nên ông không yêu cầu UBND Phú Quốc giải quyết tiếp và yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Quyết định số 1963/QĐ- UBND ngày 20/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông với số tiền

0 đồng. Đồng thời yêu cầu Tòa án buộc UBND thành phố P ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích đất bị thu hồi và cây trồng trên đất cho ông theo quy định pháp luật.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S.
2. Hủy Quyết định số 1963/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của Ủy ban nhân dân huyện P về việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn S với số tiền 0 đồng.
3. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo đúng quy định pháp luật khi thu hồi diện tích 25.856m² tại ấp D, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang do ông Nguyễn Văn S sử dụng. Cụ thể: Lập, thẩm định phương án, ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn S đối với diện tích đất 25.856m² tại ấp D, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Tòa Phúc thẩm tuyên

Bác Không chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Giữ y Bản án hành chính sơ thẩm số 55/2023/HC-ST ngày 05/5/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Cơ sở pháp lý:

1. Luật Tổ tụng hành chính 2015: Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 158, Điều 193, Điều 194; khoản 1 Điều 241
2. Luật Đất đai 2013: khoản 2 Điều 77, khoản 4 Điều 82
3. Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: khoản 4 Điều 34
4. Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;
5. Nghị định số 01/0217/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một điều của Luật Đất đai năm 2013;
6. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

3.	390/2023 /HC-PT	28/11/2023	TAND cấp cao tại Đà Nẵng	<p>Bản án số 390/2023/HC-PT ngày 28/11/2023 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư... - Cấp xét xử: Phúc thẩm - Loại án: Hành chính - Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại Đà Nẵng - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Đức H2, ông Nguyễn Đức H, ông Nguyễn Đức H3, bà Nguyễn Thị Lệ H1, bà Nguyễn Thị Thu H4 và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 89/2023/HC-ST ngày 19/6/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Người khởi kiện ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị Lệ H1, ông Nguyễn Đức H2, ông Nguyễn Đức H3 và bà Nguyễn Thị Thu H4 trình bày:</p> <p>Năm 1977, cha mẹ các ông bà là viên chức thuộc Trường H (cũ) khai hoang thửa đất trồng tại Trường Hành chính cũ để sản xuất nông nghiệp, nay là thửa đất số 10, tờ bản đồ 56, diện tích 1.426,8m², có vị trí: phía Bắc giáp đất ông L + T2; phía Nam giáp khu đất ở của gia đình các ông bà; phía Đông giáp đất ông T3; phía Tây giáp khu đất tập thể Trường H (cũ). Gia đình các ông bà quản lý, sử dụng phần diện tích đất nói trên từ năm 1977, đến năm 1983 chuyển sang trồng cây cà phê và sử dụng đất ổn định cho đến nay không có tranh chấp.</p> <p>Năm 2000, cha mẹ các ông bà làm giấy ủy quyền, phân chia thửa đất trên thành 05 phần cho 05 anh em quản lý, sử dụng. Cụ thể: Nguyễn Đức H: 313,3m², Nguyễn Đức H3: 289,6m²; Nguyễn Đức H2: 293,1m², Nguyễn Thị Lệ H1: 292,7m² và Nguyễn Thị Thu H4: 293m². Sau đó, các ông bà lần lượt xây dựng nhà và sinh sống ổn định trên diện tích đất này.</p>	<p>https://drive.google.com/file/d/17PM9Iy7rjYuePhhsSp3x3i3SD8i40hq_/view?usp=sharing</p>
----	-----------------	------------	--------------------------	---	--

Ngày 31/8/2018, Ủy ban hành các Quyết định số 5618, 5619, 5620, 5621, 5622/QĐ-UBND v/v thu hồi đất để thực hiện Dự án: xây dựng cơ sở hạ tầng Trường H (cũ), phường E, Tp ..

Ngày 31/8/2018, Ủy ban hành Quyết định số 5623/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thực hiện Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Trường H (cũ), phường E, Tp . (viết tắt Quyết định 5623). Theo Quyết định này, Ủy ban xác định toàn bộ phần diện tích đất thu hồi của các ông bà đều thuộc diện không đủ điều kiện bồi thường.

Ngày 17/11/2018, các ông bà có đơn khiếu nại đối với Quyết định số 5623. Ngày 24/9/2021, Ủy ban hành Kết luận số 03/KL - UBND về việc Kết luận thanh tra nguồn gốc đất một số hộ dân tại khu đất Trường H (cũ) phường E, Tp. (viết tắt Kết luận thanh tra số 03). Ngày 09/03/2022, Ủy ban hành Quyết định số 1476/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thực hiện Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Trường H (cũ), phường E, Tp . (viết tắt Quyết định số 1476). Theo Quyết định số 1476, Ủy ban vẫn xác định toàn bộ phần diện tích đất của các ông bà bị thu hồi không đủ điều kiện để được bồi thường về đất mà chỉ được hỗ trợ 80% giá trị đất. Không đồng ý với Quyết định 1476, các ông bà đã có đơn khiếu nại. Ngày 27/5/2022, UBND tỉnh Đ ban hành Công văn số 4365/UBND-NNMT chuyên khiếu nại của các ông bà đến Sở T6 để giải quyết, nhưng ngay sau đó Ủy đã tiến hành cưỡng chế.

Các ông bà nhận thấy rằng, quyết định của Ủy ban là không thỏa đáng, không đúng quy định của pháp luật và gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của các ông bà. Vì vậy, các ông bà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết: hủy một phần Quyết định số 5623 và hủy một phần Quyết định số 1476; buộc Ủy ban phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thực hiện Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Trường H (cũ), phường E, Tp ., theo hướng xác định toàn bộ phần diện tích đất gia đình các ông bà đang sử dụng đều đủ điều kiện được bồi thường về đất khi bị thu hồi và được bồi thường 100% giá trị theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định. Diện tích đất bị thu hồi là nơi cư ngụ duy nhất của các hộ gia đình hơn 20 năm qua nên đề nghị xem xét bố trí tái định cư.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H2.
2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H, ông Nguyễn Đức H3, bà Nguyễn Thị Lê H1, bà Nguyễn Thị Thu H4.

			<ul style="list-style-type: none"> - Hủy một phần Quyết định số 5623/QĐ - UBND ngày 31/8/2018 của U về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thực hiện Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Trường H (cũ), phường E, Tp .; - Hủy một phần Quyết định số 1476/QĐ-UBND ngày 09/3/2022 của U về việc phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và chi phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thực hiện Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng Trường H (cũ), phường E, Tp .. - Buộc Ủy ban phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung phần bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc cho ông H, bà H1, bà H4 theo biên bản làm việc của Ban thực hiện cưỡng chế số 2979 - Ủy ban ngày 09/6/2022; bổ sung phần bồi thường, hỗ trợ về cây cối hoa màu cho ông Nguyễn Đức H3 theo biên bản kiểm kê thiệt hại về đất, nhà cửa, vật kiến trúc, cây cối hoa màu ngày 04/01/2017 của Trung tâm Phát triển quỹ đất Tp . theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể bồi thường thêm các tài sản vật kiến trúc, cây cối hoa màu sau: <ul style="list-style-type: none"> * Hộ ông Nguyễn Đức H: 02 hầm rút. * Hộ bà Nguyễn Thị Thu H4: 01 bồn nước inox 1000 lít, 02 hầm rút, 01 giếng khoan sâu 59,7m, 01 Hợp đồng điện. * Hộ bà Nguyễn Thị Lệ H1: 02 hầm rút, 01 giếng khoan. * Đối với hộ ông Nguyễn Đức H3: mì (sắn) cao sản đang thu hoạch là 20m²; 01 xây sanh, 9 cây tre xanh ươm hạt đang thu hoạch trồng năm 2000, 02 cây chanh trồng năm 2008, 22 cây chuối, 04 cây bơ, 01 cây mít, 05 cây đu đủ, 03 cây cau cảnh, 01 cây na, 04m² rau thơm, 03 cây ổi; 08m² môn đang thu hoạch, 02 cây si đường kính 15cm, 01 cây mai vàng, 02 cây xoài. <p>3. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H về yêu cầu bổ sung phần bồi thường về vật kiến trúc gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Mái che lợp tôn sóng vuông, khung sắt gắn tường nhà, nền gạch ceramic (400 x 400) diện tích (4,1 x 5,4)m². + Tường: móng xây đá, tường xây gạch có tô, không sơn dài 5,8m, cao 3m. + Cửa sắt diện tích (0,9 x 1,9)m² + (2 x 0,8)m². + Nền gạch ceramic (400 x 400) diện tích (2,4 x 5,4)m². + Tường rào: móng xây đá, tường xây gạch có tô dài 5,5m, cao 2,8m, trên gắn khung sắt cao 1,2m. + Chân sắt bồn nước V5 kích thước (2 x 2 x 6)m³. 	
--	--	--	---	--

				<p>+ Tường rào: móng xây đá, tường xây gạch 10cm có tô cao 0,7m, trên gắn song sắt cao 1,5m, dài 1,8m.</p> <p>+ Mái che lợp tôn sóng vuông, khung sắt hộp (30 x 50)mm, trụ sắt hộp (50 x 100)mm. Diện tích (10,3 x 6,3)m.</p> <p>+ Tường rào: móng xây đá, tường xây gạch 10cm không tô, trên gắn lưới B40 cao 1m, tường cao 1,9m, dài 5,3m.</p> <p>4. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H3 về yêu cầu bổ sung phần bồi thường về vật kiến trúc gồm:</p> <p>+ 02 hầm rút.</p> <p>+ Nhà vệ sinh diện tích (2,2 x 2,2)m² mái lợp tôn kèm tường xây gạch 10cm có tô.</p> <p>+ Bể nước xây gạch 10cm có tô dài 10,6m, rộng 1,2m, sâu 0,35m.</p> <p>+ Mái che sân gạch bát trắng, khung sắt hộp (30 x 50)mm, trụ sắt hộp (50 x 100)mm diện tích (10,6 x 8,4)m.</p> <p>5. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị Lệ H1, bà Nguyễn Thị Thu H4, ông Nguyễn Đức H2, ông Nguyễn Đức H3 về việc buộc UBND ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung theo hướng xác định toàn bộ diện tích đất của ông H, bà H1, bà H4, ông H2, ông H3 đủ điều kiện được bồi thường về đất khi bị thu hồi và được bồi thường 100% giá trị theo bảng giá đất do UBND tỉnh Đ quy định.</p> <p>6. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức H, bà Nguyễn Thị Lệ H1, bà Nguyễn Thị Thu H4, ông Nguyễn Đức H2, ông Nguyễn Đức H3 về yêu cầu giao đất tái định cư.</p> <p>Tòa Phúc thẩm tuyên</p> <p>Bác Bác kháng cáo của người người khởi kiện ông Nguyễn Đức H2, ông Nguyễn Đức H, ông Nguyễn Đức H3, bà Nguyễn Thị Lệ H1, bà Nguyễn Thị Thu H4 và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 89/2023/HC-ST ngày 19/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.</p> <p>Cơ sở pháp lý:</p>	
--	--	--	--	--	--

				<ol style="list-style-type: none"> 1. Luật Tổ tụng hành chính 2015: khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 116, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204 và Điều 206; khoản 1 Điều 241 2. Luật Đất đai: khoản 2 Điều 79, khoản 2 Điều 82 3. Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: khoản 4 Điều 6, Điều 25 4. Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND ngày 10/11/2014 của UBND tỉnh Đ ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; 5. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Điều 32, 34, 48 	
4.	935/2023/HC-PT	26/10/2023	TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh	<p>Bản án số 935/2023/HC-PT ngày 26/10/2023 của TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai thuộc trường hợp cấp hoặc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư... - Cấp xét xử: Phúc thẩm - Loại án: Hành chính - Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ án: bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Ngày 22/7/1985, bà Huỳnh Thị Xuân L mua căn nhà số I T, phường H (nay là phường A), quận F, TP . Hồ Chí Minh có diện tích 48 m² gắn liền với diện tích đất là 280 m² của vợ chồng ông Huỳnh Văn N và bà Đoàn Thị H1 (Văn tự bán nhà ngày 22/7/1985). Tại thời điểm bà L mua thì nhà đất này đã có Bằng khoán bất động sản số</p>	https://drive.google.com/file/d/14sVXVzdoJefzhaFiOkLowJMZvAvo3DGF/view?usp=sharing

568 ngày 04/01/1972. Khi giao nhà, đất cho bà L, vợ chồng ông N còn cần thận nói rõ phần đất trống tiếp giáp giữa nhà 96 và 94 T có chiều ngang là 1,4m thì mỗi nhà sử dụng một nửa. Sau đó, ông Huỳnh Văn T5, chủ nhà 94 T đã sử dụng hơn phân nửa chiều ngang phần đất trống này để xây dựng nhà ở.

Ngày 15/4/1986, bà L được Ủy ban nhân dân Quận 6 cấp Giấy phép mua bán, chuyển dịch nhà cửa số 72/GP-UB cho phép việc mua bán căn nhà 96 T giữa bà L và ông N.

Ngày 19/6/1986, bà L xin giấy phép xây dựng số 141/GPXD-UB để xây dựng lại căn nhà này.

Ngày 06/4/2004, bà L có nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với nhà đất 96 T.

Ngày 05/10/2004, Ủy ban nhân dân Quận F cấp Giấy chứng nhận QSHNƠ và QSDĐO, hồ sơ gốc 3431/2004 đối với nhà đất số I T, phường A, Quận F, TP . Hồ Chí Minh (thuộc thửa đất số 9, tờ bản đồ số 18 (BĐDC) Phường A, Quận F) thể hiện diện tích đất ở 157,9m², nhà ở diện tích xây dựng: 84,2 m², tổng diện tích sử dụng: 175,3 m².

Khi bà L nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận QSHNƠ và QSDĐO đối với nhà đất 96 T nêu trên, bà L đã thực hiện đúng quy định pháp luật là nộp đầy đủ hồ sơ và bổ sung hồ sơ theo hướng dẫn của F và các cơ quan chuyên trách thuộc F. Và ngày 18/8/2004, ông Huỳnh Văn T5 là chủ nhà đất số I T đã đồng ý ký Tờ thỏa thuận xác nhận ranh đất giữa nhà 94 T và I T, ông T5 không có tranh chấp về ranh giới nhà, đất và đã được F, Quận F, Tp.Hồ Chí Minh chứng nhận chữ ký của ông Huỳnh Văn T5 và của bà Huỳnh Thị Xuân L.

Nay bà L được biết ông Huỳnh Công T2 (con ruột ông Huỳnh Văn T5) và vợ là bà Trần Thị Thanh T3 khiếu nại, yêu cầu Chủ tịch F thu hồi Giấy chứng nhận QSDĐO và QSDNO hồ sơ gốc số 3431/2004 ngày 05/10/2004 mà F đã cấp cho bà L đối với nhà đất tại số I T vì cho rằng F đã cấp Giấy chứng nhận cho bà L không đúng với diện tích đất của bà L sử dụng.

Ngày 04/3/2020, F ban hành Thông báo số 33/TB-UBND về việc thu hồi Giấy chứng nhận QSHNƠ và QSDĐO hồ sơ gốc số 3431/2004 ngày 05/10/2004 do F cấp cho bà L.

Ngày 26/5/2020, F mời bà L đến để công bố và giao Thông báo số 33/TBUBND ngày 04/3/2020 nêu trên (Biên bản ngày 26/5/2020).

Ngày 13/6/2020, bà L nhận qua đường bưu điện Quyết định số 2475/QĐUBND đề ngày 08/6/2020 của F về việc thu hồi Giấy chứng nhận QSHNƠ và QSDĐO hồ sơ gốc số 3431/2004 ngày 05/10/2004 do F cấp cho bà L.

Bà Huỳnh Thị Xuân L cho rằng Quyết định số 2475/QĐ-UBND là trái pháp luật, không có cơ sở làm thiệt hại đến quyền lợi chính đáng của bà L.

Nay, bà Huỳnh Thị Xuân L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 2475/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của F về việc thu hồi Giấy chứng nhận QSHNO và QSDĐỒ hồ sơ gốc số 3431/2004 ngày 05/10/2004 do F cấp cho bà Huỳnh Thị Xuân L đối với nhà đất số I T, phường A, Quận F, TP . Hồ Chí Minh.

- Ngày 07/9/2022, bà Huỳnh Thị Xuân L có yêu cầu khởi kiện bổ sung là yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 6371/QĐ-UBND-TTr ngày 13/12/2019 của Chủ tịch F, TP . Hồ Chí Minh.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Xuân L về các yêu cầu như sau:
2. Hủy Quyết định số 2475/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, hồ sơ gốc số 3431/2004 ngày 05 tháng 10 năm 2004 do Ủy ban nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Huỳnh Thị Xuân L.
3. Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 6371/QĐ-UBND-TTr ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa Phúc thẩm tuyên

Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Huỳnh Thị Xuân L. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 291/2023/HC-ST ngày 13/3/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ sở pháp lý:

1. Luật Tổ tụng hành chính 2015: Điều 3, 6, 30, 32, 116, 157, 158, 193, 205, 206, 211, 213; khoản 1 Điều 241
2. Luật đất đai 2003: điểm e khoản 2 Điều 47

				<p>3. Luật đất đai năm 2013: Điều 106</p> <p>4. Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều thi hành Luật đất đai năm 2003: Điều 143</p> <p>5. Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết một số điều thi hành Luật đất đai năm 2013; khoản</p> <p>6. 56 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai: Điều 87</p> <p>7. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Điều 32, 34, 48</p>	
5.	382/2023/HC-PT	23/11/2023	TAND cấp cao tại Đà Nẵng	<p>Bản án số 382/2023/HC-PT ngày 23/11/2023 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng V/v khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối tượng khởi kiện: QĐ hành chính, hành vi hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, trưng dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư... - Cấp xét xử: Phúc thẩm - Loại án: Hành chính - Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại Đà Nẵng - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ án: Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Bùi Tá T, bà Nguyễn Thị L và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2023/HC-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi 	<p>https://drive.google.com/file/d/1mTcljg2hqwZlBrO2DITgz_bG9scqx1TW/view?usp=sharing</p>

Tóm tắt nội dung vụ án:

Năm 1975, ông bà nội ông Bùi Tá T là ông Bùi Tá Đ1 và bà Trần Thị K có tạo lập một diện tích đất tại phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Ông bà nội ông đăng ký, kê khai theo Chi thị 299/TTg là thửa đất số 35, tờ bản đồ số 04, phường T, diện tích 2.010m², loại đất T (đất thổ cư).

Ông bà nội ông có 03 người con chung là Bùi Tá H1, Bùi Tá H2 và Bùi Thị T2, ngoài ra không có con nuôi, con riêng nào khác. Ông H1 mất từ khi ông còn rất nhỏ, vợ chồng ông sống cùng với ông bà nội tại thửa đất nêu trên. Đến năm 1980, ông lập gia đình (kết hôn với bà Nguyễn Thị L) nên ông bà nội ông đã cho vợ chồng ông một phần diện tích thửa đất số 35 nêu trên để xây dựng nhà ở, vợ chồng đã quản lý, sử dụng từ đó đến nay, sự việc này ông H2, bà T2 đều biết. Ông nội ông mất năm 1984, bà nội ông mất năm 1986, cả hai đều không có di chúc. Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật Dân sự 2015 thì đến nay thời hiệu để yêu cầu chia di sản của ông bà nội ông đã hết và di sản sẽ thuộc về người thừa kế đang quản lý di sản là ông (Bùi Tá T). Ngày 10/3/2009, ông có làm Đơn xin xác nhận với nội dung là ông bà nội đã cho ông mảnh đất nêu trên và hai vợ chồng sử dụng tới nay. Trong giấy này có chữ ký xác nhận của bà T2, ông H2 - là cô chú ruột của ông, Tổ trưởng tổ dân phố cùng những người làm chứng khác. Vì thế, thửa đất hiện tại không có tranh chấp, thửa đất này được đo đạc cụ thể, hiện trạng thửa đất được ghi nhận rõ ràng trong các bản đồ lập qua các thời kì, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất chung của địa phương. Như vậy, căn cứ Điều 101 của Luật Đất đai 2013, vợ chồng ông hoàn toàn có đủ căn cứ về nguồn gốc đất và về hiện trạng thửa đất khi tiến hành việc kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vi vậy, ngày 07/7/2022, vợ chồng ông đã nộp hồ sơ tại bộ phận một cửa Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Q để xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với một phần diện tích được ông bà nội cho vào năm 1980 (một phần đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), nay là hai thửa đất số 153, diện tích 153,9m² và thửa đất số 12, diện tích 186,3m² cùng tờ bản đồ số 15, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Bản đồ đo vẽ năm 2016). Ngày 29/9/2022, ông đến nhận hồ sơ theo giấy hẹn thì biết được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q, Chi nhánh thành phố Q đã trả hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng ông theo Thông báo số 862/TB-CNTPQN và Thông báo số 873/TB-CNTPQN cùng ngày 21/9/2022. Nhận thấy, hành vi trả hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là trái quy định của pháp luật và xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, ông bà yêu cầu Tòa giải quyết như sau:

- Tuyên bố hành vi hành chính của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q về việc trả hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bà theo Thông báo số 862/TB-CNTPQN và Thông báo số 873/TB-CNTPQN cùng ngày 21/9/2022 là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q phải tiếp nhận lại hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà đối với hai thửa đất số 153, diện tích 153,9m² và thửa đất số 12, diện tích 186,3m² cùng tờ bản đồ số 15, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo đúng quy định pháp luật.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Tá T, bà Nguyễn Thị L về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Tuyên bố hành vi hành chính của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q về việc trả hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Tá T, bà Nguyễn Thị L theo Thông báo số 862/TB-CNTPQN và Thông báo số 873/TB-CNTPQN cùng ngày 21/9/2022 là hành vi hành chính trái pháp luật.

- Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Q phải tiếp nhận lại hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thực hiện trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Tá T, bà Nguyễn Thị L đối với hai thửa đất số số 133, diện tích 153,9m² và thửa đất số 12, diện tích 186,3m² cùng tờ bản đồ số 15, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi theo đúng quy định pháp luật.

Tòa Phúc thẩm tuyên

Bác Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Bùi Tá T, bà Nguyễn Thị L và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2023/HC-ST ngày 16/6/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Cơ sở pháp lý:

1. Luật Tổ tụng hành chính 2015: khoản 1 Điều 30; khoản 3 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348; khoản 1 Điều 241
2. Thông tư số 33/2017/TTBTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ T5: Khoản 11 Điều 7
3. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Điều 32, 34, 48